TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST Ngày: 06/7/2026. V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Mai Thị Bích Ngân ;**

2. **Ông Lâm Vũ Quang**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Tào Văn Hai Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên toà*:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ về tranh chấp: *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị S**, sinh ngày 27/12/1984; Nơi cư trú: Khu vực L, phường K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094184014077; ngày cấp: 03/02/2025; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

. *Bị đơn:* Ông **Thạch L**, sinh ngày 01/01/1980; Nơi cư trú: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 094080021572; Ngày cấp: 04/3/2024; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2026 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 05/6/2026 nguyên đơn là bà Lý Thị S trình bày:*

Bà Lý Thị S và ông Thạch L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng

không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được và đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

Trong thời gian sống chung có 02 con chung là cháu Thạch Thị Tuyết M (nữ), sinh ngày 13/7/2004 đã trưởng thành và cháu Thạch Thị Tuyết M1 (nữ), sinh ngày 27/12/2008 đang sống chung với cha là ông Thạch L .

Nay bà Lý Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà Lý Thị S và ông Thạch L là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Thạch Thị Tuyết M (nữ), sinh ngày 13/7/2004, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Thạch Thị Tuyết M1 (nữ), sinh ngày 27/12/2008 đang sống chung với cha là ông Thạch L cho ông Thạch L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết M1 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Lý Thị S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Thạch L vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2026 của bà Lý Thị S, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về *"không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Thạch L có nơi cư trú tại khu vực N, phường K, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Lý Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lý Thị S và ông Thạch L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà Lý Thị S và ông Thạch L mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp do đó về quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L không được pháp luật công nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, yêu cầu của bà Lý Thị S về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Thạch L là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung là cháu Thạch Thị Tuyết M (nữ), sinh ngày 13/7/2004 đã trưởng thành bà S không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; cháu Thạch Thị Tuyết M1 (nữ), sinh ngày 27/12/2008 đang sống chung với cha là ông Thạch L, Bà S yêu cầu giao cháu Thạch Thị Tuyết M1 cho ông Thạch L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi .

Xét thấy, con chung là cháu Thạch Thị Tuyết M1 (nữ), sinh ngày 27/12/2008 hiện đang được ông L nuôi dưỡng ổn định từ khi cháu được 03 tuổi đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung. Đồng thời cháu M1 có nguyện vọng sống chung với cha là ông Thạch L. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Thạch Thị Tuyết M1 cho ông Thạch L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Lý Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị S về không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con đối với ông Thạch L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lý Thị S và ông Thạch L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Tuyết M1 (nữ), sinh ngày 27/12/2008 cho ông Thạch L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Lý Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

6. Về án phí Hôn nhân gia đình: Nguyên đơn bà Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009920 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lý Thị S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Thạch L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tp Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND phường Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn